

đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Phạm Thị Pg và có 01 con sinh năm 2012. Nhân thân bị cáo: Không tiền án, không tiền sự.

Bị cáo bị đầu thú ngày 16/12/2020, đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận H.M, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 3, ngách 337/27 phố Định Công, phường Định Công, quận H.M, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Anh Tuấn, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 6, hẻm 211/85/24 Khương Trung, quận T.X, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội truy tố:

Ngày 15/08/2013, chị Nguyễn Thị Thu Giang (NS 1983); hộ khẩu thường trú : Số nhà 3, ngách 337/27 phố Định Công, phường Định Công, quận H.M, thành phố Hà Nội, đến công an phường Định Công trình báo về việc chị bị P. V. Hg chiếm đoạt 01 máy tính laptop (gồm cả 01 chuột laptop; 01 bộ sạc) và số tiền 12.000.000 triệu đồng.

Căn cứ đơn trình báo của chị Tr và kết quả điều tra đã xác định được : P. V. Hg và chị Nguyễn Thị Thu Tr là bạn quen biết qua mạng Internet. Ngày 08/08/2013, Hoàng đến nhà của chị Tr để mượn 01 bộ laptop để làm việc. Chị Tr đồng ý cho Hoàng mượn 01 bộ máy tính laptop (01 chuột ; 01 bộ sạc). Sau khi mượn được máy tính, Hoàng mang máy tính về nhà để làm việc. Đến ngày 09/08/2013, do không có tiền trả nợ và chi tiêu cho bản thân nên Hoàng đã mang chiếc máy tính đến gặp anh Tuấn- chủ hiệu cầm đồ tại (số 206 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) để cầm lấy 6.500.000 đồng (số tiền này Hoàng đã dùng 4.000.000 đồng để trả nợ còn 2.500.000 đồng để

chi tiêu cho bản thân). Khi thỏa thuận cầm máy tính, Hoàng nói chiếc máy tính là tài sản hợp pháp của Hoàng. Đến ngày 10/08/2013, chị Tr đã gọi điện thoại yêu cầu Hoàng trả máy tính thì Hoàng đã nói với chị Tr là : “ Hoàng đã đem cầm chiếc máy tính và hiện không có tiền để chuộc”. Chị Tr nói với Hoàng trong máy tính có nhiều dữ liệu quan trọng và yêu cầu Hoàng phải đi chuộc máy tính về trả lại cho chị. Thấy chị Tr rất muốn lấy lại chiếc máy tính nên Hoàng đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Tr qua việc lừa Tr chuyển tiền để Hoàng chuộc máy tính. Chính vì vậy, Hoàng đã nói với Tr là: “ Số tiền đặt máy là 12.000.000 triệu đồng, nếu Tr muốn lấy lại máy tính thì phải chuyển tiền để Hoàng đi chuộc”. Do cần máy tính để làm việc nên khoảng 17h30p ngày 10/08/2013, chị Tr đã chuyển 12.000.000 triệu đồng cho Hoàng qua số tài khoản : 1008130121384001 tại Ngân Hàng Vietcombank. Sau khi nhận được tiền Hoàng đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân chứ không mang tiền đi chuộc máy tính cho chị Tr như thỏa thuận. Khi Tr điện thoại hỏi về việc chuộc máy thì Hoàng đã nhắn tin vào máy điện thoại của chị Tr với nội dung: “ Khoảng 45p nữa, điện thoại vào số điện thoại 0934664861 để nhận máy tính”. Thực chất, Hoàng không biết tên tuổi, lai lịch người dùng số điện thoại 0934664861.

Ngày 28/03/2013, P. V. Hg đã đến trụ sở Công An phường Định Công đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Công an phường Định Công tiến hành dẫn giải Hoàng đến hiệu cầm đồ 206 đường Láng để thu hồi chiếc laptop.

Theo kết quả định giá tài sản số 122/HĐĐG ngày 30/08/2012 của hội đồng định giá tài sản quận H.M thì chiếc máy tính laptop hiệu Lenovo Thinkpad E430 màu đen đã qua sử dụng có trị giá 7.800.000 đồng.

Ngày 28/08/2012, chị Tr đã nhận lại số tiền 12.000.000 đồng mà Hoàng đã lừa đảo chiếm đoạt. Ngày 09/10/2012, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 170 trao trả chiếc máy tính laptop hiệu Lenovo Thinkpad E430 cho chị

Nguyễn Thị Thu Tr, chị Tr đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị xem xét giảm nhẹ cho Hoàng.

Đối với anh Phạm Anh Tuấn (NS 1975), có hộ khẩu thường trú tại: Số 6 , hẻm 211/85/24 Khương Trung, T.X, Hà Nội. Khi nhận cầm máy tính anh Tuấn không biết chiếc laptop là tài sản do Hoàng phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý. Anh Tuấn đã nhận lại số tiền 6.500.000 đồng do Hoàng trả nên không yêu cầu bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an quận H.M không làm rõ được người dùng số điện thoại 0934664861. Vì vậy, không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 14/QĐ-VKS-HS, ngày 19/12/2013 của Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo P. V. Hg về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo P. V. Hg thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội truy tố về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất có thể.

Bị hại chị Nguyễn Thị Thu Tr và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Anh Tuấn đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, chủ toạ phiên tòa đã công bố lời khai của họ tại Cơ quan điều tra. Bị cáo nghe rõ các lời khai của họ, công nhận họ khai đúng sự thật. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản, số tiền bị cáo chiếm đoạt và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị hại không còn yêu cầu khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Anh Tuấn đã được bị cáo khắc phục hậu quả đầy đủ là 6.5000.000đ, anh Tuấn không còn yêu cầu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; động cơ, mục đích và nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo P. V. Hg từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 04 tháng đến 06 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, phạt bị cáo từ 11 tháng đến 15 tháng tù; miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Trách nhiệm dân sự với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được giải quyết xong, nên không xét; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Phân tranh luận tại phiên tòa:

Sau khi Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo P. V. Hg và phát biểu quan điểm về hướng giải quyết toàn bộ vụ án.

Bị cáo P. V. Hg thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của mình là đúng, không oan, sai. Vì vậy, bị cáo không tranh luận gì.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: “Bị cáo rất thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã gây ra; bị cáo cùng gia đình đã khắc phục hết hậu quả và xin lỗi bị hại; bị cáo kính xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về gia đình nuôi con nhỏ và hòa nhập xã hội.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H.M, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân quận H.M và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo P. V. Hg đúng với các lời khai tại Cơ quan tra điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với tang vật của vụ án cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 08/08/2013, tại số nhà 3 ngách 337/27 phố Định Công, phường Định Công, quận H.M, Thành phố Hà Nội. Bị cáo P. V. Hg đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 máy tính laptop hiệu Lenovo Thinkpad E430 màu đen đã qua sử dụng có trị giá 7.800.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu Tr rồi đem đặt cầm đồ lấy 6.500.000 để trả nợ và tiêu xài cho bản thân. Sau khi đặt chiếc máy tính, Hoàng lại nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Tr. Cụ thể, ngày 10/08/2013, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo Hoàng đã bảo chị Tr chuyển khoản 12.000.000 đồng cho bị cáo để bị cáo đi chuộc máy tính đã cầm. Nhưng thực tế, bị cáo không chuộc máy tính mà đã chiếm đoạt sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo P. V. Hg đã đủ yếu tố cấu thành “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo P. V. Hg, sinh năm 1988 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hội đồng xét xử, xét hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo là tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự xã hội; làm mất

lòng tin giữa con người với nhau. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo cùng gia đình bị cáo đã khắc phục trả bị hại hết số tiền bị cáo đã chiếm đoạt; bị hại đã nhận đủ không còn yêu cầu khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra bị cáo đã tự ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 139, Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Song, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo P. V. Hg không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[4] Biện pháp tư pháp: Bị cáo đã trả bị hại đầy đủ tài sản chiếm đoạt; trả người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đầy đủ được hưởng lợi. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai còn yêu cầu khác nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139; điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 89; 136, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo P. V. Hg **06 (sáu)** tháng tù về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, **03 (ba)** tháng tù về “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ khi bị cáo đầu thú ngày 16/12/2020, thời gian tạm giữ bị cáo từ ngày 23/08/2013 đến 01/09/2013 được trừ vào hình phạt chung.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Biện pháp tư pháp: Bị cáo cùng với gia đình của bị cáo đã trả lại bị hại đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt; đã trả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đủ số tiền bị cáo hưởng lợi do đặt máy tính mà có. Bị hại và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan, không còn yêu cầu khác. Tòa không xét.

3. Về án phí: Bị cáo P. V. Hg phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo P. V. Hg có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND quận H.M;
- Công an quận H.M;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận H.M;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Quang Chiếu